

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý,
sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật
Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản
công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân;
Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về
lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP
ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của
Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về
lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một
số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành
Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế
- Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn và Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ đang thực hiện thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND mà chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định và có sự thay đổi về cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tại thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Quy định kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 4 năm 2025.

2. Nghị quyết này bãi bỏ các quy định về mua sắm, thuê, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; phân cấp quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuỷ lợi tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn.

3. Nghị quyết này bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ ba mươi lăm thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý
- VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND,
- UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh, Công báo
- tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

QUY ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn**

*(Kèm theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; thẩm quyền xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn, gồm:

- Mua sắm tài sản công;
- Mua sắm vật tiêu hao;
- Thuê tài sản;
- Khai thác tài sản công;
- Thu hồi tài sản công;
- Điều chuyển tài sản công;
- Bán tài sản cố định;
- Thanh lý tài sản công;
- Tiêu hủy tài sản công;
- Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại;

l) Phê duyệt phương án giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại đối với tài sản thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý;

m) Sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư;

n) Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Thẩm quyền mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ (không thuộc đối tượng là tài sản công) phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước được thực hiện như mua sắm tài sản công tại quy định này. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thực hiện theo Quy định này.

3. Quy định này không áp dụng đối với:

a) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam trừ Văn phòng huyện uỷ, thành uỷ là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện. Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ và các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị gồm:

a) Cơ quan nhà nước.

b) Văn phòng huyện uỷ, thành uỷ là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện sử dụng nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng huyện uỷ, thành uỷ (sau đây gọi chung là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện).

c) Đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hoá, dịch vụ (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước trong trường hợp không lập thành dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm:
 - a) Trụ sở làm việc và xe ô tô các loại sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
 - b) Tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này hoặc gói thầu, nội dung mua sắm có tổng giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên.
2. Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh quyết định mua sắm trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:
 - a) Tài sản công hoặc gói thầu, nội dung mua sắm có tổng giá trị dưới 10 tỷ đồng của cơ quan, đơn vị mình.
 - b) Tài sản công hoặc gói thầu, nội dung mua sắm có tổng giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên đến dưới 10 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) quyết định mua sắm tài sản công hoặc gói thầu, nội dung mua sắm có tổng giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên đến dưới 10 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý, trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.
4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công hoặc gói thầu, nội dung mua sắm có tổng giá trị dưới 1 tỷ đồng của cơ quan, đơn vị mình và tài sản công hoặc gói thầu, nội dung mua sắm có tổng giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đến dưới 1 tỷ đồng của cơ quan, đơn vị trực thuộc, trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.
5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) quyết định mua sắm tài sản công hoặc gói thầu, nội dung mua sắm có tổng giá trị dưới 1 tỷ đồng của cơ quan, đơn vị mình, trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.
6. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Chi cục và trực thuộc đơn vị tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công hoặc gói thầu, nội dung mua sắm có tổng giá trị dưới 500 triệu đồng, trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.
7. Đối với tài sản công và hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về mua sắm tập trung.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của cơ quan cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh quyết định thuê tài sản trừ quy định tại khoản 1 Điều này:

- a) Thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị mình.
- b) Thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có giá trị thuê tài sản tính cho cả thời hạn thuê từ 500 triệu đồng trở lên.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định:

- a) Thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.
- b) Thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có giá trị thuê tài sản tính cho cả thời hạn thuê từ 500 triệu đồng trở lên.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản có giá trị thuê tài sản tính cho cả thời hạn thuê dưới 500 triệu đồng, trừ trụ sở làm việc.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước

1. Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công được giao quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công được giao quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công được giao quản lý, sử dụng.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan:

- a) Trụ sở làm việc.
- b) Xe ô tô các loại.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản công được giao quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có nguyên giá từ 1 tỷ đồng/đơn vị tài sản trở lên, trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có nguyên giá từ 1 tỷ đồng/đơn vị tài sản trở lên, trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản công được giao quản lý, sử dụng của cơ quan, đơn vị mình và tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/đơn vị tài sản, trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công được giao quản lý, sử dụng có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/đơn vị tài sản, trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

a) Tài sản công giữa các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

b) Tài sản công từ các cơ quan cấp tỉnh sang cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và ngược lại.

c) Tài sản công từ các cơ quan cấp tỉnh sang Ủy ban nhân dân cấp xã và ngược lại.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc trừ quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển:

a) Tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Tài sản công từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sang Ủy ban nhân dân cấp xã và ngược lại.

c) Tài sản công giữa Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán xe ô tô các loại.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh quyết định bán tài sản công trừ quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Bán tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, đơn vị mình.

b) Bán tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có nguyên giá từ 1 tỷ đồng/đơn vị tài sản trở lên.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có nguyên giá từ 1 tỷ đồng/đơn vị tài sản trở lên, trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định bán tài sản công là tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/đơn vị tài sản và tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị

trực thuộc có nguyên giá từ 200 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên đến dưới 1 tỷ đồng/đơn vị tài sản trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công là tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/đơn vị tài sản trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Chi cục và trực thuộc đơn vị tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định bán tài sản công là tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng có nguyên giá dưới 200 triệu đồng/đơn vị tài sản trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý xe ô tô các loại.
2. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công:
 - a) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất và tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, đơn vị mình.
 - b) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.
 - c) Tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá từ 500 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc trừ quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công:
 - a) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.
 - b) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân cấp xã.
 - c) Tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá từ 500 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc trừ quy định tại khoản 1 Điều này.
4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, đơn vị mình và tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá từ 200 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên đến dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc trừ tài sản công là xe ô tô; nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất.
5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản trừ tài sản công là xe ô tô; nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất.

6. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Chi cục và trực thuộc đơn vị tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá dưới 200 triệu đồng/đơn vị tài sản trừ tài sản công là xe ô tô; nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất.

7. Trường hợp phải phá dỡ, hủy bỏ tài sản để thực hiện dự án đầu tư theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc để giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP và khoản 15 Điều 1 Nghị định số 50/2025/NĐ-CP và không phải thực hiện báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước

Thủ trưởng cơ quan quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý:
 - a) Trụ sở làm việc
 - b) Xe ô tô các loại.
2. Thủ trưởng cơ quan quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng, trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 2
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 12. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hoá, dịch vụ (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp không lập thành dự án

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hoá, dịch vụ (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp không lập thành dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này.
2. Tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.
3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) hoặc gói

thầu, nội dung mua sắm phục vụ hoạt động của đơn vị, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này. Tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện theo quy định như đối với trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này. Tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện theo quy định như đối với trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

3. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định, trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này.

4. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với tài sản công là xe ô tô, tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản công được giao quản lý, sử dụng có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản, trừ tài sản công là xe ô tô; nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất.

5. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

6. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này. Tài sản công là cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện theo quy định như đối với trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công – tư

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư.

Điều 17. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh, cấp huyện vào mục đích liên doanh, liên kết.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp tỉnh quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc vào mục đích kinh doanh, cho thuê.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định:

a) Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của đơn vị mình.

b) Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc vào mục đích kinh doanh, cho thuê.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc vào mục đích kinh doanh, cho thuê.

Mục 3

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI; TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 18. Quản lý, sử dụng tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II Quy định này.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II Quy định này.

Điều 19. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được Nhà nước giao hoặc được hình thành từ ngân sách nhà nước tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội được quản lý, sử dụng theo quy định tại Mục 1 và Mục 2 Chương II Quy định này.

Mục 4

QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 20. Thẩm quyền phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước do tỉnh quản lý

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý
 - a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của dự án do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư.
 - b) Xe ô tô các loại.
2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý trừ quy định tại khoản 1 Điều này.
 - a) Tài sản phục vụ hoạt động của dự án đối với các dự án được giao làm chủ đầu tư.
 - b) Tài sản phục vụ hoạt động của dự án đối với các dự án do các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc làm chủ đầu tư.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án do cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư, trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này./.